TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOANG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2024/DS - ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Bà Trần Thị Thuý Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Sơn Hoá

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

-***Thư ký phiên toà :*** Ông Nguyễn Ngọc Quang - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hg Mai– Thành phố Hà Nội.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hg Mai – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hg Mai - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10 / TLST – DS ngày 24/1/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 15 /QĐXXST – DS ngày 8 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/QĐ - HPTDS ngày 7 tháng 6 năm 2024 giữa:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.B (A.BANK)

Trụ sở: Tầng 1, 2, 3 toà Geleximco, số 36 H.C, phường Ô.C.D, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ.M.K - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.
Người được ủy quyền: Ông N.Q – Chức danh: Trưởng Ban Xử lý nợ,

Theo Giấy ủy quyền số 16/UQ-HĐQT.21 ngày 12/10/2022 của ông Đ.M.K- Chủ tịch HĐQT.

Người được uỷ quyền lại : Ông V.Đ.A – sinh năm 1993 theo giấy uỷ quyền số 01 /UQ - TGĐ ngày 2/1/20249 (có mặt)

***Bị đơn:** Ông V.M.H - sinh năm 1985;
Trú tại: Tổ 3, phường T.P, quận Hg Mai, thành phố Hà Nội.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn : Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng A.B ông V.Đ.A trình bày:

Ngân hàng A.BANK và ông V.M.H đã ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A.BANK VISA (dành cho khách hàng cá nhân) hợp đồng số: 63- PH.22 ngày 16/05/2022, nội dung như sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000 đồng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A.BANK VISA (dành cho khách hàng cá nhân) hợp đồng số 63- PH.22 ngày 16/05/2022;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông V.M.H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn, A.BANK đã nhiều lần làm việc với ông H yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, ông H không trả nợ, vi phạm các cam kết trả nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A.BANK VISA (dành cho khách hàng cá nhân) hợp đồng số 63- PH.22 ngày 16/05/2022. Ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 8/2/2023 và cũng từ ngày 8/2/2023 ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn . Tạm tính đến ngày 27/12/2023 ông H còn nợ ngân hàng là 184.393.484 đồng trong đó nợ gốc là 146.869.339 đồng, nợ lãi là 37.524.145 đồng;

Nay ngân hàng yêu cầu:

a. Buộc ông V.M.H phải trả cho A.BANK tổng số tiền tính đến ngày 27/12/2023 là 184.393.484 đồng

b. Buộc ông V.M.H phải trả cho A.BANK số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 28/12/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế A.BANK VISA (dành cho khách hàng cá nhân) hợp đồng số 63-PH.22 ngày 16/05/2022 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ vay cho A.BANK.

Bị đơn : Ông H trình bày : Tôi xác nhận có sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A.B và hiện nay còn nợ ngân hàng A.B một khoản tiền như ngân hàng đã trình bày. Tôi đề nghị Toà án giải quyết số nợ theo quy định pháp luật . Vì điều kiện tôi bận công việc nên tôi không có mặt tại phiên toà tôi đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tôi.

Tại phiên toà hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ông H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ 8/2/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là : Nợ gốc: 146.869.339 đồng; Lãi quá hạn: 58.801.840 đồng. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông H vẫn phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng phát hành thẻ tín dụng đã ký kết với ngân hàng TMCP A.B cho đến ngày ông H thanh toán hết số nợ cho ngân hàng

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có ý kiến xin xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án :

Về quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật quy định. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật tố tụng, không vi phạm tố tụng.

*Về nội dung :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP A.B đối với ông V.M.H

2. Buộc ông V.M.H phải trả nợ cho ngân hàng TMCP A.B số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo thẻ tín dụng số 63-PH.22 ngày 16/05/2022 trong đó nợ gốc: 146.869.339 đồng; Lãi quá hạn: 58.801.840 đồng. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông H vẫn phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết với ngân hàng TMCP A.B cho đến ngày ông H thanh toán hết số nợ cho ngân hàng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả hỏi và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

-Về tố tụng:

Tại phiên toà hôm nay vắng mặt ông V.M.H nhưng ông H đã có ý kiến xin xử vắng mặt tại phiên toà căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự

-Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP A.B ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với ông V.M.H mục đích cho vay để tiêu dùng cá nhân và cấp thẻ tín dụng cho ông H. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngân hàng đã làm đơn khởi kiện đối với ông H. Căn cứ điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật trong vụ án này là Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do ông H là bị đơn của vụ án có địa chỉ tại tổ 3 phường T.P, quận Hg Mai nên căn cứ điều 35,39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hg Mai.

-Về tư cách người tham gia tố tụng:

Ngân hàng TMCP A.B có đơn khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn

Ông H bị ngân hàng khởi kiện nên được xác định là bị đơn

-Về nội dung khởi kiện, thấy rằng:

Trên cơ sở những lời trình bày và thừa nhận của đương sự, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 63- PH.22 ngày 16/05/2022 được ký kết giữa ngân hàng TMCP A.B và ông V.M.H trên cơ sở H toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.Thực hiện theo đúng các nội dung theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông H. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng kể từ ngày 8/2/2023 và cũng kể từ ngày 8/2/2023 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn . Tạm tính đến ngày 27/12/2023 ông H còn nợ ngân hàng là 184.393.484 đồng trong đó nợ gốc là 146.869.339 đồng, nợ lãi là 37.524.145 đồng

Nay ngân hàng yêu cầu ông H phải trả toàn bộ số nợ kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8/2/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm nợ gốc là 146.869.339 đồng, nợ lãi là 58.801.840 đồng

Xét thấy : Việc ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán không trả được nợ cho ngân hàng là vi phạm các thoả thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã được ký kết giữa hai bên. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điều 463,465,466,468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 63- PH.22 ngày 16/05/2022 trong đó: Nợ gốc là 146.869.339 đồng, nợ lãi là 58.801.840 đồng là có căn cứ đúng pháp luật

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông H vẫn phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng sử dụngthẻ tín dụng đã ký kết với ngân hàng TMCP A.B cho đến ngày ông H thanh toán hết số nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp ông H không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên các tài sản và nguồn thu hợp pháp khác của ông H để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ tại ngân hàng

*** Về án phí :**

- Ông H phải thanh toán trả nợ ngân hàng TMCP A.B nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP A.B được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. H trả lại ngân hàng số tiền đã nộp dự phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 203, 220, 227, 271, 273, Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ Điều 52, 54, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng,
Căn cứ Điều 463,465,466, 468 Bộ luật Dân sự 2015,
Căn cứ Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP A.B đối với ông V.M.H.

2. Buộc ông V.M.H phải trả nợ cho ngân hàng TMCP A.B tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 63- PH.22 ngày 16/05/2022 với số tiền nợ gốc là 146.869.339 đồng, nợ lãi là 58.801.840 đồng ,tổng cộng là 205.671.179 đồng

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ông V.M.H vẫn phải chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký kết với ngân hàng TMCP A.B cho đến ngày ông H thanh toán hết các khoản nợ cho ngân hàng

Trong trường hợp ông H không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên các tài sản và nguồn thu hợp pháp khác của ông H để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ tại ngân hàng

3. Án phí:

Ông H phải chịu 10.283.559 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng TMCP A.B số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hg Mai theo biên lai thu tạm ứng án phí số 11108 ngày 18/1/2024

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hg Mai;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục THADS quận Hg Mai;
- L- u.